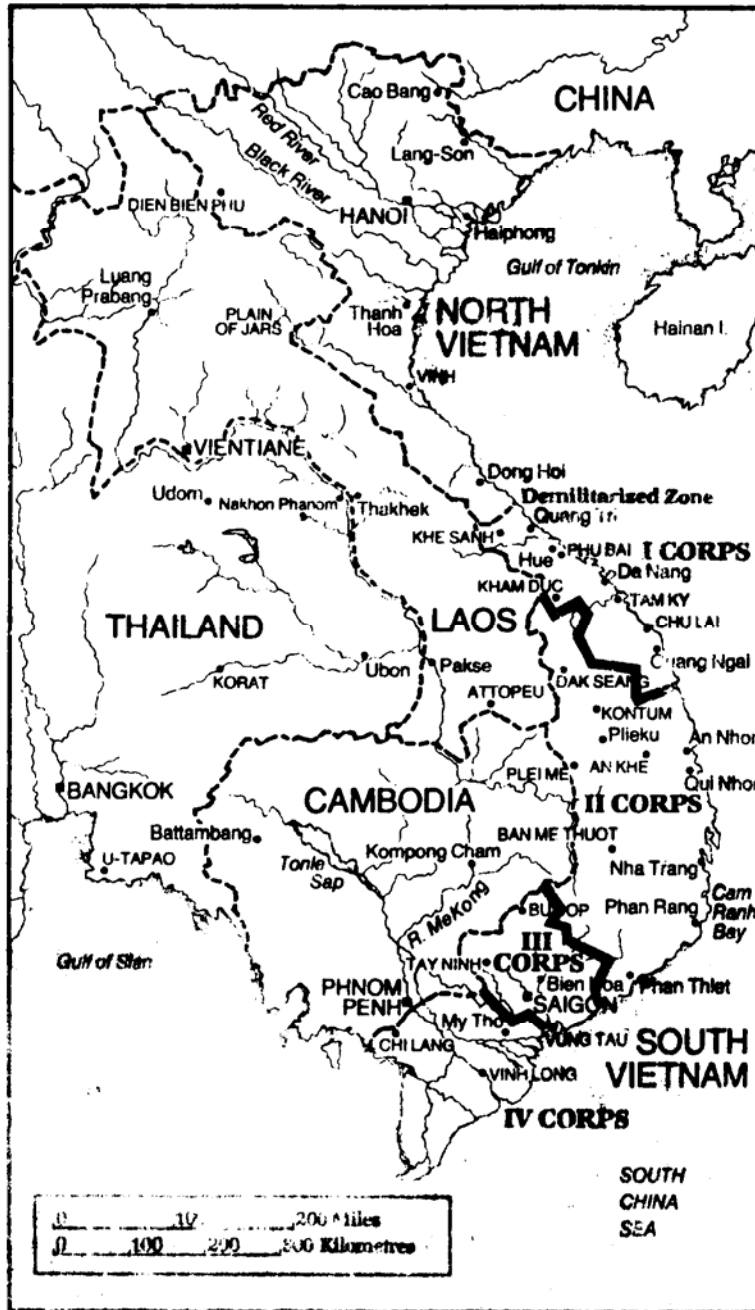


PHẦN BA

VIỆT NAM TRONG THẾ CHIẾN LƯỢC QUỐC TẾ MỚI



CHƯƠNG I

VIỆT NAM

TỪ CHỦ NGHĨA THỰC DÂN CŨ ĐẾN CHỦ NGHĨA THỰC DÂN MỚI

I. Từ Chủ Nghĩa Thực Dân Cũ (1858-1954):

Vào giữa thế kỷ thứ 18, châu Âu kỹ nghệ hoá cần nhiều nguyên liệu và thị trường tiêu thụ hàng hoá phục vụ cho nhu cầu phát triển, các đế quốc đã tiến hành các cuộc chiến tranh xâm lược mở rộng thuộc địa. Đế quốc Anh sau khi củng cố quyền thống trị trên Ấn Độ, đã thôn tính Úc châu, Tân Tây Lan, chuẩn bị thực hiện ý đồ xâm lược Trung Quốc qua cuộc Chiến tranh Nha phiến. Trong khi đó, thực dân Pháp đã chiếm Algérie và đang đi tìm căn cứ trên bờ biển Trung Quốc, làm bàn đạp thôn tính các nước trong vùng.

Ngày 31-8-1858, chiến hạm Pháp đã bắn phá cửa biển Đà Nẵng, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, để sau đó từng bước thiết lập chế độ thuộc địa tại Việt Nam, bành trướng qua Lào và Cam Bốt. Tất nhiên,

không phải là dễ dàng khi thực hiện quá trình xâm lược này; trên thực tế, thực dân Pháp đã phải đương đầu với các cuộc kháng chiến liên tục và đều khắp đất nước của nhân dân Việt Nam. Trong những ngày đầu, lịch sử ghi nhận các cuộc nổi dậy của nhân dân Nam Bộ dưới sự lãnh đạo của Nguyễn Trung Trực, Thủ Khoa Huân và các sĩ phu yêu nước miền Nam. Tiếp đến là các phong trào đấu tranh giành độc lập dưới ngọn cờ “Cần Vương, Văn Thân” nối tiếp trong nhiều thập niên cuối thế kỷ XIX. Hầu hết các nhà lãnh đạo các phong trào này đều xuất thân trong hàng ngũ quan lại phong kiến như Tôn Thất Thuyết, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Cao Thắng, Nguyễn Thiện Thuật... Vì thế tư tưởng chủ đạo cho các cuộc kháng chiến này là tư tưởng phong kiến. Theo đó từ các nhà lãnh đạo đến quần chúng tham gia kháng chiến chỉ với một ý nghĩ đơn giản là đánh đuổi thực dân Pháp giành lại ngai vàng cho vua, cho hoàng tộc, để hành sử quyền cai trị độc lập tự chủ của người Việt Nam. Bởi vì hệ tư tưởng phong kiến dựa trên thuyết Thiên Mệnh, Thần Quyền: Vua là Thiên Tử, được Trời trao cho quyền cai trị muôn dân, là chủ đất nước, là biểu tượng quốc gia. Đạo quân thần đã đưa đến hệ quả là lòng “trung quân ái quốc”, trung thành với vua là yêu nước vậy. . .

Bước qua đầu thế kỷ XX, trào lưu tư tưởng dân chủ phương Tây đã thâm nhập vào Việt Nam. Những tác phẩm nổi tiếng như “L'Esprit des Lois”, “Contrat Social” của J. J. Rousseau và Montesquieu cũng như các tư tưởng tự do, công bình, bác ái, nhân quyền, và dân quyền của cuộc Cách mạng Pháp (1789) đã ảnh hưởng đến chiều hướng đấu tranh của các nhà ái quốc Việt

Nam. Thêm vào đó, trào lưu tư tưởng của các nhà cải cách dân chủ Trung Hoa như Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu... cùng với một nước Nhật canh tân tiến đến tự cường, cũng đã là những gương sáng có sức thu hút mạnh mẽ giới sĩ phu yêu nước Việt Nam.

Thực vậy, từ đầu thế kỷ XX, lịch sử bắt đầu ghi nhận tư tưởng chủ đạo kháng chiến đi từ trung dung “nửa phong kiến, nửa dân chủ” đến dân chủ hoàn toàn. Phong trào Đông Du (1906-1908) của cụ Phan Bội Châu, Đông Kinh Nghĩa Thục (1907) của cụ Phan Chu Trinh và Việt Nam Quang Phục Hội... là những phong trào kháng chiến theo chiều hướng trung dung. Theo chiều hướng này, cuộc đấu tranh giành độc lập diễn ra dưới nhiều hình thức, đặt nặng tuyên truyền giáo dục quần chúng, nâng cao dân trí, cổ vũ lòng yêu nước, chuẩn bị về lâu về dài cho cuộc khởi nghĩa vũ trang sau này khi thời cơ thuận lợi. Chủ trương của trào lưu kháng chiến này là sau khi đánh đuổi được thực dân Pháp, sẽ thiết lập một chế độ quân chủ lập hiến kiểu Nhật Bản và một số nước láng giềng khác như Thái Lan, Mã Lai... Ước mơ của các nhà lãnh đạo lúc này là giành được độc lập rồi vẫn muốn giữ lại ngai vàng cho vua để trọn đạo “quân thần”, nhưng lại muốn bảo vệ quyền dân chủ cho nhân dân bằng một hiến pháp. Đây là một phương cách dung hoà quyền lợi giữa giai cấp thống trị phong kiến và nhân dân bị trị, giúp cho các nhà lãnh đạo kháng chiến vốn xuất thân từ cửa Khổng sân Trình cảm thấy an tâm. Nhưng rồi ước mơ này cũng đã không thực hiện được, các phong trào đấu tranh theo hệ tư tưởng trung dung cũng lần lượt thất bại, nhường chỗ cho một khuynh hướng tích cực hơn xuất hiện trong hàng ngũ các nhà lãnh đạo theo Tây học.

Điển hình cho khuynh hướng này có Nguyễn Thái Học và các đồng chí của ông, đã hình thành một chính đảng đầu tiên kiểu phương Tây, Việt Nam Quốc Dân Đảng (1923-1924). Do chịu ảnh hưởng trực tiếp về tư tưởng và tổ chức của Quốc Dân Đảng Trung Hoa, Việt Nam Quốc Dân Đảng chủ trương đấu tranh bằng bạo lực quân sự là chủ yếu để giành độc lập, sau đó thiết lập chế độ dân chủ theo mô hình Tam Dân Chủ nghĩa Trung Hoa và nguyên tắc phân quyền Tây phương. Với lòng yêu nước nồng nàn và bầu máu nóng của tuổi trẻ, năm 1930 Nguyễn Thái Học và Việt Nam Quốc Dân Đảng đã lãnh đạo cuộc khởi nghĩa vô trang ở Yên Bái. Cuộc khởi nghĩa này đã không thành công, lãnh tụ Nguyễn Thái Học và mười hai đồng chí của ông đã hiên ngang bước lên đoạn đầu đài nhận lấy cái chết “Cho Tổ Quốc Quyết Sinh”. Mục tiêu và ước mơ của các nhà ái quốc của chúng ta tuy chưa thành công nhưng “. . . đã thành nhân” như lời khẳng định trước đó của lãnh tụ Nguyễn Thái Học.

Sau cuộc khởi nghĩa Yên Bái của Việt Nam Quốc Dân Đảng, thực dân Pháp đã thực hiện các cuộc ruồng bắt và đàn áp dã man các nhà ái quốc Việt Nam. Từ đây, khuynh hướng đấu tranh giành độc lập dưới sự chủ đạo của hệ tư tưởng phong kiến và hệ tư tưởng dân chủ phương Tây như tạm thời lắng dịu. Một hệ tư tưởng chủ đạo công cuộc kháng chiến mới xuất hiện: hệ tư tưởng Mác-Lê (Marxism-Leninism). Lãnh tụ của cuộc kháng chiến theo hệ tư tưởng này là Nguyễn Tất Thành, tức Nguyễn Ái Quốc hay là Hồ Chí Minh. Theo tài liệu của Cộng sản Việt Nam, thì Hồ Chí Minh khởi đầu là một người theo chủ nghĩa yêu nước trước khi trở thành môn đồ của chủ nghĩa Mác-Lê. Xuất thân từ một nền giáo dục

nửa Nho học, nửa Tây học, biết đọc, biết viết, không học vị, ông Hồ đã bôn ba nhiều năm ở nước ngoài, ở các nước đế quốc cũng như nhiều nước thuộc địa. . . Sau cùng ông đã tìm ra được “con đường cứu nước”, rằng “Muốn cứu nước, giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác ngoài con đường cách mạng vô sản”! (1). Ông Hồ đã vui mừng đến phát khóc và hét to lên một mình trong phòng trọ ở Paris, sau khi đọc được tác phẩm nổi tiếng của Lênine “Luận Cương Chính Trị Tháng Tư” (2), nội dung nói về vấn đề các thuộc địa và các dân tộc bị áp bức. Sau đó, ông Hồ như được giác ngộ bởi lý tưởng cộng sản nên đã gia nhập Đảng Cộng Sản Pháp, qua Liên Sô nhận sự giáo dục đào tạo để trở thành đồ đệ trung thành và cuồng tín của chủ nghĩa cộng sản. Từ đó ông Hồ mồm nói, tuyên truyền, huấn luyện được một số đồng chí tiến tới thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam (3-2-1930). Theo chính cương và sách lược đấu tranh của đảng này, có hai mục tiêu đấu tranh: Đánh đuổi thực dân Pháp và thiết lập chế độ xã hội chủ nghĩa tại Việt Nam theo kiểu Liên Sô, gọi là để giải quyết hai mâu thuẫn cơ bản của đất nước: mâu thuẫn dân tộc (thực dân Pháp và nhân dân Việt Nam) và mâu thuẫn giai cấp (giai cấp vô sản với giai cấp tư sản, nông dân với địa chủ. . .). Để thực hiện mục tiêu đánh đuổi thực dân Pháp, những người Việt Nam cộng sản sẽ tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Để thiết lập chế độ xã hội chủ nghĩa, họ sẽ tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa. Lực lượng nòng cốt thực hiện các cuộc cách mạng này, theo lý luận, là giai cấp công nhân liên minh với giai cấp nông dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Phương thức đấu tranh chủ yếu là bạo lực cách mạng (bao gồm bạo lực quân sự và bạo lực chính trị), được thực

hiện dưới nhiều hình thức, công khai, bí mật, hợp pháp, và bất hợp pháp, với mọi thủ đoạn cần thiết để đạt mục tiêu, theo phương châm “Cứu cánh biện minh cho hành động”.

Trên thực tế, từ ngày thành lập đảng, ông Hồ và các đồng chí của ông đã thực hiện khá sát chính cương và sách lược của họ. Để đạt mục tiêu đánh đuổi thực dân Pháp, lực lượng cộng sản của ông Hồ đã dựa vào hậu thuẫn của Liên Xô, một thế dựa mà các lực lượng kháng chiến trên lập trường dân tộc trước đó không thể có được. Bởi vì trong bối cảnh lúc bấy giờ, các cựu đế quốc đều có thuộc địa, cùng chủng loại, nên liên kết nhau trong thế liên hoàn, bảo vệ lẫn nhau và bao vây các dân tộc thuộc địa (bài học Phan Bội Châu đã thất bại khi tin vào thuyết Đại Đồng Á của Nhật trong phòng trào Đông Du . .). Nay, tình hình đã khác với sự xuất hiện của tân đế quốc Đờ Liên Xô, với tham vọng giành giật các thuộc địa bằng chiêu bài chống đế quốc, chống chủ nghĩa thực dân cũ, nhưng lại nuôi ý đồ bành trướng chủ nghĩa thực dân mới, thông qua các công cụ người bản xứ được huấn luyện, đào tạo và cột chặt lòng trung thành bằng sợi chỉ đỏ là chủ nghĩa Mác-Lê. Ông Hồ Chí Minh và đảng của ông chính là một công cụ điển hình thực hiện xuất sắc cho ý đồ này. Có thể lúc đầu, khi mới tiếp xúc với tư tưởng Mác-Lê, ông Hồ đã ngay tình và thành thực nói câu này “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác ngoài con đường cách mạng vô sản.”(2). Vì thấy chủ trương và lý luận Mác-Lê chống đế quốc, ủng hộ các dân tộc bị áp bức giành độc lập. Trong bối cảnh thời bấy giờ, dựa vào Liên Xô (cách mạng vô sản) như một đối cực để chống thực dân Pháp giành độc lập, thì

quả là một khẳng định hợp lý nhưng quả đáng. Sau này thực tế đã cho thấy lời khẳng định của ông Hồ đã mang một ý nghĩa trái ngược: “Muốn phá nước và xích hoá dân tộc vào chủ nghĩa thực dân mới của Liên Xô, không có con đường nào khác ngoài con đường cách mạng vô sản.”

Vì thực tế như thế, nên mục tiêu đánh đuổi thực dân Pháp của ông Hồ và đảng của ông, không phải là giành độc lập cho dân tộc mà là giành thuộc địa kiểu mới cho Liên Xô (từ thuộc địa kiểu cũ của Pháp). Do đó cũng thật là logique khi ông Hồ và đảng Cộng sản Việt Nam, trên thực tế đã hành động như một công cụ thực hiện “chủ nghĩa quốc tế vô sản” cao cả, bằng sự lợi dụng chủ nghĩa yêu nước của nhân dân Việt Nam. Cao cả trên cả quyền lợi dân tộc, nghĩa đồng bào (vấn đề sẽ được bàn giải chi tiết trong phần này).

Thực tế là, trong kháng chiến, người ta đã chứng kiến các thủ đoạn tinh vi thâm độc để giành vị thế chủ đạo trong giai đoạn cuối cùng của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Tất nhiên trong giai đoạn cuối cùng này, các lực lượng kháng chiến theo khuynh hướng quốc gia dân tộc trước đó vẫn tồn tại và phát triển, tuy có chậm và yếu kém hơn, với phương thức đấu tranh thiên về đấu tranh chính trị, đấu tranh nghị trường hơn là đấu tranh quân sự với kẻ thù. Với vị thế chủ đạo, ông Hồ và đảng của ông đã lợi dụng thời cơ năm 1945 cướp được chính quyền từ tay phát-xít Nhật, tuyên bố độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà, thành lập chính phủ liên hiệp Quốc - Cộng. Hồ Chí Minh đứng đầu với sự tham gia của một số thành phần thuộc các đảng phái quốc gia. Chưa đầy một năm sau, thực dân Pháp theo

chân đế quốc Anh trở lại, đưa đến cuộc kháng chiến toàn dân chống thực dân Pháp. Cuộc kháng chiến này đã kéo dài 9 năm gian khổ, với sự tham gia của mọi tầng lớp nhân dân, không phân biệt chính kiến và cuối cùng đã đánh đuổi được kẻ xâm lược, chấm dứt được chủ nghĩa thực dân cũ của đế quốc Pháp thiết lập gần 100 năm trên dân tộc Việt Nam (1862-1954). Trong suốt cuộc kháng chiến này, ông Hồ và công cụ đảng của ông đã tiến hành sách lược hai mặt: Một mặt nêu cao ngọn cờ “Đại đoàn kết dân tộc”, khai thác lòng yêu nước, khát vọng tự do và độc lập dân tộc của nhân dân để lôi kéo mọi thành phần, mọi lực lượng đứng chung hàng ngũ kháng chiến trong Mặt Trận Việt Minh, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Mặt khác, đối với những ai biết được bộ mặt thật cộng sản, nguy dân tộc của họ, không tin và không khuất phục họ, thì lập tức bị loại trừ trực tiếp bởi bàn tay họ (thù tiêu, thanh trừng . .) hoặc gián tiếp tiêu diệt qua bàn tay thực dân Pháp (thông báo, gài bẫy cho Pháp bắt khảo tra, tù đầy...). Chính nhờ sách lược hai mặt được ông Hồ và những người VNCS thực hiện bằng các thủ đoạn lừa mị tinh vi, mà nhiều người dân yêu nước thuộc mọi thành phần, mọi giai cấp, kể cả giai cấp thuộc đối tượng loại trừ của Cộng sản như Tư bản, Địa chủ cũng đã ngay tình và nhiệt tình tham gia Mặt trận Việt Minh, một tổ chức đoàn kết nhân dân kháng chiến do Cộng sản dựng lên và lãnh đạo. Một số không ít đảng viên các đảng phái quốc gia khác cũng vì lòng yêu nước đã cùng đứng chung với những người cộng sản trong cuộc kháng chiến 9 năm. Sau cùng và trước đó, một số bị thù tiêu vì không khuất phục, một số bị đồng hoá để tồn tại, một số nhẫn nhục chờ cho đến ngày đánh đuổi được thực dân Pháp mới có cơ hội chọn lựa.



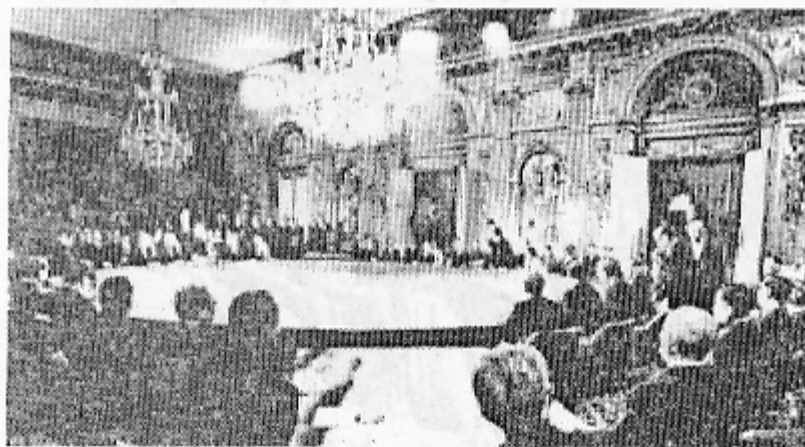
Paul Doumer, một trong những viên Toàn quyền Pháp cai trị ba nước Việt, Miên, Lào (1932).



Một trong những cảnh đàn áp, tù đầy các nhà ái quốc Việt Nam dưới thời thực dân Pháp (1909).



Thủ tướng Pháp Mendès France và Thủ tướng Trung Cộng Chu Ân Lai tại Hội nghị Genève (1954) để chia cắt Việt Nam, đưa Việt Nam vào thế gọng kềm của chủ nghĩa thực dân mới.



Hiệp định Paris ký kết ngày 27-1-1973 giữa bốn bên: Mỹ, Bắc Việt, VNCH và MTGPMNVN. 30-4-1975, CSBV đã thôn tính MNVN, vi phạm Hiệp định này.

Tựu chung, cuộc kháng chiến 9 năm (1945-1954) là giai đoạn cuối cùng của cuộc kháng chiến lâu dài gian khổ của dân tộc Việt Nam, đã chấm dứt được ách thống trị của chủ nghĩa thực dân cũ do đế quốc Pháp thiết lập gần 100 năm trên dân tộc Việt Nam. Đó là chiến thắng của cả dân tộc, của mọi tầng lớp nhân dân Việt Nam đối với đế quốc Pháp, bảo hiệu chủ nghĩa thực dân cũ đi vào thời kỳ cáo chung trên phạm vi toàn thế giới. Đó là giá trị lịch sử không thể phủ nhận và không ai có thể chiếm đoạt như là một thắng lợi độc quyền của một đảng phái hay phe nhóm nào.

II. Đến Chủ Nghĩa Thực Dân Mới (1954-1975):

Nhưng rồi với Hiệp định Genève 1954 như một sự sắp xếp tiền định của các cường quốc, đã đưa đất nước Việt Nam vào tình trạng chia cắt, dân tộc Việt Nam vừa thoát được vòng cương toả của chủ nghĩa thực dân cũ, đã nhanh chóng rơi vào thế gọng kìm của chủ nghĩa thực dân mới. Miền Bắc Việt Nam nằm trong quỹ đạo của phe Xã Hội Chủ Nghĩa, đứng đầu là tân đế quốc Đô Liên Xô. Miền Nam Việt Nam thuộc phe Tư Bản Chủ Nghĩa hay Thế Giới Tự Do dưới quyền lãnh đạo của tân đế quốc Tráng Hoa Kỳ. Thực chất cả hai chính quyền, hai chế độ sau đó thiết lập trên cả hai miền Bắc Nam đã trở thành hai công cụ và thực tế đã là hai công cụ đắc lực của chủ nghĩa thực dân mới, phục vụ có hiệu quả cho một thể chiến lược quốc tế mới của các các cực cường, trái với ý nguyện của tuyệt đại đa số nhân dân Việt Nam. Điều khác biệt giữa hai công cụ là ông Hồ và những người Việt Nam cộng sản đã được ngoại bang chuẩn bị đào tạo kỹ càng trước đó, nên đã là một công cụ chủ động và đắc lực.

Trong khi đó ông Diệm và những người Việt Nam quốc gia yêu chuộng tự do ở Miền Nam thì không được ngoại bang chuẩn bị đến nơi đến chốn, nên đã là công cụ hoàn toàn ngay tình và bị động.

Thực tế là, tại miền Bắc công cụ đã được chuẩn bị từ 1930 với hai giai đoạn cách mạng: Cách mạng Dân tộc Dân chủ Nhân dân để giành chính quyền, giành đất để có địa bàn và phương tiện tiến hành cuộc Cách mạng Xã hội Chủ nghĩa, thực hiện chủ nghĩa thực dân mới của Liên Xô trên một nửa nước. Với chế độ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà được thành lập theo kiểu Xô Viết, công cụ Hồ Chí Minh và đảng của ông đã thực hiện như thế nào? Giải quyết mâu thuẫn đối kháng qua các cuộc truy quét tiêu diệt “Phản động”, để triệt phá mọi thành phần chống đối chế độ - Bằng công cuộc cải cách ruộng đất ở nông thôn để tiêu diệt giai cấp địa chủ; bằng các đợt cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh ở thành thị để triệt tiêu giai cấp tư sản. Với trí thức tiểu tư sản, nếu sau các cuộc học tập, giáo dục, không chịu “đầu hàng giai cấp vô sản” sẽ bị tẩy não trong các nhà tù hay trại cưỡng bức lao động. Nói chung là họ thực hiện triệt để khẩu hiệu “Trí, Phú, Địa, Hào... đào tận gốc, tróc tận ngọn”. Để làm gì? Để thiết lập chế độ độc tài đảng trị, triệt phá mọi mầm móng chống đối, củng cố độc quyền thống trị, đưa toàn dân miền Bắc vào khuôn phép kỷ luật nhà binh, biến cải nhân dân thành người máy, chỉ biết phục tùng và tuân lệnh “Bác và Đảng”. Mệnh lệnh gì? - Ra sức thi đua lao động cật lực, “Làm ngày không đủ tranh thủ làm đêm”, nhân dân thất lưng buộc bụng để xây dựng miền Bắc thành hậu phương lớn, cung cấp sức người, sức của cho tiền tuyến lớn miền Nam, tiến hành “sự nghiệp kháng

chiến chống Mỹ cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất tổ quốc trong độc lập, tự do, hạnh phúc và xây dựng thành công xã hội chủ nghĩa”!

Tất cả để đạt điều gì? - Để “làm tròn nghĩa vụ quốc tế cao cả”, xứng đáng là công cụ xuất sắc thực hiện ý đồ của hai đế quốc Đò Nga, Tàu. Thực hiện hiệu quả “mũi nhọn tiến công cách mạng” để mở rộng vòng cương toà cho chủ nghĩa cộng sản và vì lợi ích cho chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Đò Liên Xô. Quả thực, ông Hồ Chí Minh và đảng của ông đã thực hiện xuất sắc “nghĩa vụ quốc tế cao cả”, đã xây dựng được một miền Bắc xã hội chủ nghĩa không giàu nhưng vững mạnh hơn nhiều so với công cụ miền Nam của “đế quốc Mỹ”. Với vũ khí vô địch là “chủ nghĩa Mác-Lê bách chiến bách thắng”. Với máy bay, xe tăng, súng đạn, hoà tiễn và các phương tiện giết người do Nga, Tàu cung cấp; với kho nhân lực đã được Bắc và Đảng giáo dục đến độ chỉ biết sợ hãi, phục tùng và cuồng tín. . . Tất cả đã giúp cho công cụ Hồ Chí Minh đánh thắng được công cụ Miền Nam, với một cái giá phải trả là hàng triệu sinh linh con dân nước Việt trên cả hai miền, núi xương, sông máu như ngập tràn trên mảnh đất rách nát. Tiếc rằng “Bắc” đã nhắm mắt trước khi được nhìn thấy chiến thắng vô tiền khoáng hậu này: Tổ quốc đã thống nhất trong cảnh đất nước tan hoang, nhân dân đói nghèo mà “Độc lập, Tự do, Hạnh phúc” thì chỉ là bánh vẽ. Hồ Chí Minh và Đảng CSVN như vậy đã hành động cho cái gì và vì ai? Là người yêu nước hay phản quốc? Có công hay đắc tội với tổ quốc và dân tộc? Tất cả rồi đây lịch sử sẽ phân xét công minh, rặt ròi.

Đến đây, như vậy là công cụ “xã hội chủ nghĩa miền Bắc” đã thực hiện xuất sắc “thế tiến công cách mạng”,

hoàn thành xuất sắc “nghĩa vụ quốc tế cao cả” của mình. Trong khi đó, chế độ Việt Nam Cộng Hoà ở miền Nam đã bị làm công cụ “tiền đồn thế giới tự do” như thế nào?

Tháng 7 -1954, ông Ngô Đình Diệm đã được Hoa Kỳ hậu thuẫn đưa về miền Nam làm Thủ tướng chính phủ quốc gia bên cạnh Quốc trưởng Bảo Đại, vị vua cuối cùng của chế độ phong kiến Việt Nam. Chẳng bao lâu, ông Diệm đã tổ chức trưng cầu dân ý truất phế Bảo Đại, bầu Quốc hội Lập hiến soạn thảo Hiến pháp (26 -10 -1956) khai sinh nền Đệ nhất Cộng hoà tại miền Nam (Việt Nam Cộng Hoà). Sau đó, chiếu theo Hiến pháp, một cuộc bầu cử dân chủ có xếp đặt (có dân chủ hơn kiểu dân chủ tập trung, có tổ chức của chế độ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà ở miền Bắc) đã đưa ông Diệm lên ngôi vị Tổng thống Việt Nam Cộng Hoà. Ông Diệm được nhiều người quốc gia coi là một người yêu nước, xuất thân từ hàng ngũ quan lại phong kiến, có tiếng là người đạo đức, thanh liêm khi còn làm quan và có tư chất hiền lành, nhân ái như một nhà tu. Thành tích đấu tranh chống Pháp nổi bật nhất của ông Diệm được nhắc đến là việc ông treo án tử quan, một hành động đấu tranh tiêu cực, nhưng đã được Vua Bảo Đại tuyển chọn leo lái con thuyền quốc gia trong giai đoạn dầu sôi lửa bỏng, vì tư chất và gia thế vốn nặng lòng “trung quân ái quốc”, với thân phụ đại thần Ngô Đình Khả đã dám chống lại việc Pháp đẩy vua; lại thuộc một gia đình Công Giáo có thế lực, có một người anh là Giám Mục Công Giáo (Ngô Đình Thục) và người anh khác đã bị Việt Minh sát hại trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp (Ngô Đình Khôi). Ông Diệm lại có thời gian sống ẩn dật tại một tu viện Công Giáo ở Mỹ, có thể vì vậy mà Hoa Kỳ đã hậu thuẫn cho ông về nước thực hiện sứ mạng chống

Cộng theo sách lược của Mỹ, nhằm ngăn chặn sự bành trướng của đế quốc Đờ Nga, Tàu. Ông Diệm đã được ca ngợi như là lãnh tụ chống Cộng hàng đầu ở Đông Nam Á. Cùng chung gánh vác sứ mạng với ông Diệm có bào đệ Ngô Đình Nhu, nổi tiếng là uyên bác, mưu lược, làm Cố vấn chính trị của Tổng thống.

Trong những năm đầu chấp chánh, chính quyền Ngô Đình Diệm đã tỏ ra có năng lực ổn định tình thế, dẹp tan được các mầm móng nội loạn, tập trung được tiềm năng và tạo được khí thế chống Cộng ở miền Nam. Nhưng rồi, những năm sau đó chính quyền của ông Diệm đã vấp phải nhiều sai lầm. Cái sai lầm lớn nhất là ông Diệm đã sống trong ảo tưởng của một quốc gia độc lập, có chủ quyền, trong khi thực chất chế độ Việt Nam Cộng Hoà và cả nhân ông cũng như guồng máy chính quyền, quân đội ở miền Nam chỉ được Mỹ coi là công cụ thực hiện ý đồ chiến lược của họ. Đây có lẽ là điểm khác biệt căn bản giữa cá nhân ông Hồ Chí Minh và chính quyền công cụ miền Bắc với cá nhân ông Ngô Đình Diệm và chính quyền công cụ ở miền Nam. Nói cách khác, một bên có ý thức làm công cụ trước khi chủ động thực hiện nghĩa vụ công cụ, một bên như là vô ý thức và bị động trong việc thực hiện nghĩa vụ công cụ. Chính vì vô ý thức và bị động, anh em Diệm, Nhu đã có những hành động không đáp ứng đúng ý đồ của Mỹ, nên sau 9 năm cầm quyền, họ đã phải nhận lãnh cái chết thảm thương, kéo theo sự cáo chung của nền Đệ nhất Cộng hoà.

Thực vậy, trong khung cảnh cuộc chiến tranh ý thức hệ, để cạnh tranh lôi kéo các nước nghèo đi vào quỹ đạo của mình, Liên Sô và “phe xã hội chủ nghĩa” luôn ở thế tiến công để bành trướng thuộc địa kiểu mới, trong khi

Mỹ và “phe tư bản chủ nghĩa” thì ở thế thủ để ngăn chặn và bảo vệ thuộc địa kiểu mới, như là một sự kế thừa di sản của chủ nghĩa thực dân cũ đã lỗi thời. Ở Châu Á, Mỹ đã thiết lập một vòng đai ngăn chặn hiểm họa Trung Hoa Đỏ đi từ bán đảo Triều Tiên qua Đài Loan, Phi Luật Tân đến Đông Dương; Triều Tiên và Việt Nam là hai điểm nóng của cuộc chiến tranh ý thức hệ, có chung số phận thử thách qua phân lãnh thổ và chiến tranh cốt nhục tương tàn. Tuy nhiên, Triều Tiên có may mắn hơn, sau một cuộc thư hùng với sự hỗ trợ và tham chiến trực tiếp của Hồng quân Trung Hoa (chiến tranh Cao Ly 1950-53) đã không thôn tính được Nam Hàn, vì Mỹ trực tiếp nhảy vào cuộc chiến, ngăn chặn kịp thời dưới ngọn cờ Liên Hiệp Quốc. Từ đó lãnh tụ Kim Nhật Thành và CS Bắc Hàn đã không theo đuổi một cuộc “chiến tranh giải phóng Nam Hàn” như Hồ Chí Minh và Cộng sản Việt Nam đã làm ở Việt Nam. Một sự may mắn do chủ động của Kim Nhật Thành hay được cho phép của các đế quốc, không hệ trọng bằng thực tế là, đã đem lại lợi ích cho dân tộc và đất nước Triều Tiên. . . Cả hai miền Bắc Nam đều có cơ hội xây dựng phát triển theo quỹ đạo riêng.

Trở lại ý đồ chiến lược của Mỹ trong vùng Đông Nam Á nói chung và Việt Nam nói riêng, là chỉ cần thiết lập một chính quyền công cụ đủ mạnh (không cần quá mạnh) để đủ sức làm nhiệm vụ ngăn chặn hơn là đẩy lùi và thôn tính đối phương. Muốn có một chính quyền đủ mạnh, Mỹ đã dựng lên ở miền Nam Việt Nam một chế độ tự do, dân chủ, ít ra là cũng phải dân chủ hơn chế độ độc tài cộng sản ở miền Bắc, để làm chiều bài cạnh tranh có hấp lực. Đồng thời, Mỹ cũng cần có một chính quyền có hình thức độc lập, với những nhân sự có năng lực thực

hiện chiến lược, chiến thuật chống cộng của Mỹ. Nghĩa là Mỹ cần những chuyên viên có năng lực, nhiệt thành hơn là người lãnh đạo có tài và sáng kiến riêng. Đối với quân đội của chính quyền này, Mỹ sẽ huấn luyện và trang bị vũ khí theo mức độ gia tăng của Cộng quân về trình độ vũ khí và cường độ chiến tranh. Việc chỉ đạo thực hiện ý đồ chiến lược của Mỹ, bên cạnh chính quyền và quân đội Việt Nam Cộng Hoà sẽ là các cố vấn dân sự trải đều khắp các cấp, các ngành tùy theo nhu cầu và mức độ của cuộc chiến. Những khi cần thiết, Mỹ có thể trực tiếp lãnh đạo chiến tranh, kể cả việc gọi quân tham chiến một khi công cụ tỏ ra yếu kém không làm nổi nhiệm vụ ngăn chặn Cộng sản. Mỹ không muốn và cũng không cần một miền Nam giàu có và tự túc phát triển đến tự cường, vì Mỹ có thừa khả năng nuôi cả nhân dân miền Nam Việt Nam đánh giặc. Vì Mỹ giàu có và còn nhiều vũ khí cũ mới đủ loại tồn đọng trong kho cần tiêu thụ kịp thời, nếu quá hạn cũng đổ xuống sông, xuống biển. Vì kỹ nghệ quân sự quốc phòng của Mỹ và các đồng minh thân cận đang cần thị trường tiêu thụ và thử nghiệm nhiều loại vũ khí mới. Vì trong thời kỳ này nền kinh tế Mỹ đang cần có chiến tranh để ổn định và phát triển. Nói cụ thể hơn, vì giới tư bản tài phiệt Mỹ cần có chiến tranh để làm giàu.

Nếu làm một cuộc so sánh giữa ý đồ chiến lược trên đây của Mỹ với các hành động thực tiễn của anh em ông Diệm, người ta sẽ thấy rõ cái lý do vì sao Mỹ phải loại trừ một công cụ, để thay thế bằng một công cụ khác thích dụng hơn. Trước hết, Mỹ muốn thiết lập một chế độ dân chủ ở miền Nam Việt Nam, dù có nặng hình thức cũng phải tỏ ra dân chủ hơn chế độ “độc tài đảng trị” ở miền Bắc để làm chiêu bài. Thế nhưng anh em ông Diệm lại

cùng có chế độ “độc tài gia đình trị” với hành động triệt tiêu đối lập chính trị, tạo dựng một chính đảng kiểu Đảng Cộng sản để nắm độc quyền chống Cộng (đảng Cần Lao với chủ thuyết Nhân vị). Hành động này làm mất chính nghĩa “tự do, dân chủ” vốn là ngọn cờ trong chính sách đối ngoại của Mỹ. Tiếp đến một hành động khác là, anh em ông Diệm đã hô hào “Bắc tiến”, dù có nặng tuyên truyền hơn là thực tế, cũng là đi ngược ý đồ chiến lược của Mỹ (gián chỉ Cộng sản mà thôi). Lại nữa, chế độ Ngô Đình Diệm đã làm tường mình là một quốc gia độc lập có chủ quyền, nên lúc nào cũng đòi Mỹ đối xử như một quốc gia độc lập. Và vì vậy họ chỉ muốn Mỹ đứng bên cạnh cuộc chiến “bảo vệ tự do của nhân dân Việt Nam”. Nói cách khác, anh em ông Diệm chỉ muốn được Mỹ viện trợ kinh tế, quân sự và nhân sự theo yêu cầu, để chính quyền của họ tự hoạch định đường lối, sách lược chống Cộng phù hợp với chiến lược chống Cộng chung của “phe thế giới tự do”, sau khi có sự tham khảo ý kiến với nước bạn đồng minh Hoa Kỳ. Nghĩa là một cuộc chiến tranh của người Việt Nam, giữa những người Việt Nam bất đồng về một thể chế chính trị cho đất nước, sau khi giành được độc lập, thoát khỏi chế độ thuộc địa. Về điểm này, trên nguyên tắc, Mỹ công bố và công nhận Việt Nam Cộng Hoà là một quốc gia độc lập có chủ quyền. Nhưng công cuộc chống Cộng, Mỹ muốn chủ động hoạch định chiến lược, chiến thuật chống Cộng và chỉ đạo chính quyền Việt Nam Cộng Hoà thực hiện với sự giám sát của một hệ thống cố vấn quân sự và dân sự đều khắp. Mỹ sẽ viện trợ kinh tế, huấn luyện, trang bị và cung cấp vũ khí đạn dược cho quân đội Việt Nam Cộng Hoà theo mức độ chiến tranh và trình độ trang bị của Cộng quân. Việt Nam Cộng Hoà chỉ có quyền yêu cầu viện trợ để chính phủ Hoa Kỳ

xem xét và chuẩn phê. Nói cách khác, có sự trái ngược là, Mỹ muốn coi cuộc chiến tranh ở Việt Nam là của Mỹ, được thực hiện thông qua chế độ, chính quyền và nhân dân ở miền Nam Việt Nam, với sự đài thọ chiến tranh hoàn toàn của Mỹ. Hành động ngăn cản Mỹ tăng cường cố vấn quân sự cũng như dân sự mở rộng sâu rộng đến các cấp các ngành, cũng như chối từ nhiều sự chỉ đạo của Mỹ, anh em ông Diệm đã tự đào hố chôn mình và là nguyên nhân đưa đến sự cáo chung chế độ.

Một công cụ không còn sử dụng được theo ý của người tạo ra nó, tất nhiên phải bị huỷ bỏ. Mỹ đã quyết định lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm để thay thế bằng một công cụ khác thích dụng hơn ở miền Nam Việt Nam, thông qua cuộc đảo chánh quân sự ngày 1 - 11 - 1963. Thật tội nghiệp, cho đến phút chót, anh em ông Diệm vẫn tự tin một cách sai lầm rằng “toàn dân vẫn đứng sau lưng Ngô Tổng Thống”, các tướng lãnh mà hầu hết bao lâu nay từng “tắm gội ơn mưa móc” và được Tổng thống tin yêu, coi như con cháu trong nhà, nghĩ rằng nay vẫn một lòng trung thành với “Ngô Tổng Thống anh minh” nên Mỹ khó lòng lật đổ họ. Và nhất là, vẫn nghĩ rằng Mỹ khó tìm được một cá nhân hay è-kíp nào giỏi hơn họ để làm công việc chống Cộng. Vì chủ quan như thế, hai ông Diệm, Nhu đã tỏ ra coi thường quyền lực của một toà Đại sứ Hoa Kỳ tại Sài Gòn, nên đã bị chính trung tâm quyền lực này làm sập chế độ và không buông tha mạng sống anh em ông. Đó là một quyền lực tuy không bộc lộ công khai như Phủ Toàn Quyền Pháp năm xưa, nhưng là một sức mạnh ai cũng có thể cảm thấy được và nhận thức được qua thực tiễn.

Như vậy là cuộc đảo chánh của các tướng lãnh quân

lực Việt Nam Cộng Hoà dưới sự điều hợp của toà đại sứ Hoa Kỳ, cụ thể là ngài đại sứ đương nhiệm có sứ mạng lúc đó là Henry Cabot Lodge, đã thành công với người hùng đứng đầu là Tướng Dương Văn Minh. Sau những năm tháng sôi động tranh giành quyền lực giữa các phe phái, các tướng lãnh Quân lực Việt Nam Cộng Hoà đã sắp xếp được hàng ngũ, ngôi thứ lãnh đạo nền Đệ nhị Cộng hoà được sự chuẩn phê của Mỹ. Một bản hiến pháp mới được hình thành (ngày 1 tháng Tư năm 1967) đã đưa Tướng Nguyễn Văn Thiệu (Chủ tịch Uỷ ban Lãnh đạo Quốc gia) và Tướng Không Quân Nguyễn Cao Kỳ (Chủ tịch Uỷ ban Hành pháp Trung ương) lên ngôi vị Tổng thống và Phó Tổng thống nền Đệ nhị Việt Nam Cộng Hoà. Kể từ đây, Mỹ đã thiết lập được một chế độ công cụ theo đúng nghĩa để thực hiện hiệu quả ý đồ chiến lược của mình. Mỹ muốn trực tiếp nhảy vào cuộc chiến bước qua giai đoạn dùng hệ thống có vấn đề để chiến tranh; nghĩa là Mỹ muốn dùng sức mạnh để giải quyết nhanh cuộc “chiến tranh giải phóng” của Cộng sản Bắc Việt. Để hợp pháp hoá sự can thiệp trực tiếp của Mỹ, Việt Nam Cộng Hoà đã chính thức yêu cầu Mỹ đưa quân vào miền Nam VN để làm công việc giúp nhân dân miền Nam ngăn chặn sự gia tăng cường độ xâm lăng của Cộng sản Bắc Việt, bảo vệ chế độ tự do dân chủ ở miền Nam có thể bị lâm nguy. Và để đánh vào tận “hậu phương lớn” của Cộng sản Bắc Việt, Mỹ đã nguy tạo ra vụ tàu Maddog bị Hải quân cộng sản tấn công trong Vịnh Bắc Việt, để sau đó phong toả, ném bom đánh phá toi bời miền Bắc Việt Nam, quyết đưa miền Bắc trở về thời kỳ đồ đá! Do yêu cầu của chính phủ Việt Nam Cộng Hoà, với chính nghĩa “giúp nhân dân miền Nam Việt Nam bảo vệ tự do”, Mỹ đã có mặt ở mức độ cao nhất là trên nửa triệu quân, chưa kể một số

quân đồng minh khác cũng tham gia cùng với Mỹ, được sự tài trợ gián tiếp của Mỹ (Nam Hàn, Thái Lan, Phi Luật Tân, Tân Tây Lan). Trong cuộc “chiến tranh đặc biệt” này, Quân lực Việt Nam Cộng Hoà được phân công thù thành để quân đội Mỹ và đồng minh hành quân tìm và diệt địch. Tất cả các loại vũ khí tối tân của Mỹ được đem sử dụng trên khắp chiến trường Nam Bắc để đối phó với các khí tài hiện đại của Liên Xô, Trung Cộng, Đông Đức, Tiệp Khắc. . . Cuộc chiến tranh này đã đến thời kỳ khốc liệt và đạt cao độ của sự thiệt hại về của cũng như về người cho cả hai phía. Cao điểm của cuộc chiến có thể kể là Tết Mậu Thân 1968 khi Cộng quân mở cuộc tiến công vào hầu hết các thành thị miền Nam, đưa đến sự thiệt hại nặng nề về nhân lực, tài lực cho cả hai bên, đưa đến sự suy yếu tiềm lực xâm lăng của Cộng sản Bắc Việt. Bởi vì cường độ chiến tranh sau đó như lắng xuống khi Cộng quân không còn khả năng mở các cuộc tấn công lớn. Mỹ bắt đầu thực hiện chương trình “Việt Nam hoá chiến tranh” song song với việc tiến hành đàm phán với Cộng sản Bắc Việt ở Hội nghị Paris về Việt Nam. Điều này có nghĩa là sau khi trực tiếp tham chiến, tuy không đạt được ý đồ dùng sức mạnh quân sự đập tan ý chí tồn tại miền Nam Việt Nam của Cộng sản Bắc Việt, nhưng có thể là Mỹ đã đạt được một mục tiêu chiến lược nào đó (tỷ như lợi ích của giới tư bản tài phiệt quân sự Mỹ, hiểm hoạ Trung Hoa Đỏ đã có cách giải quyết theo một chiều hướng khác. . .), nay đã đến lúc có thể dựa vào áp lực của nhân dân Mỹ chống chiến tranh như cái cớ để xuống thang chiến tranh. Đó là cái lý do chính đáng để Mỹ rút chân ra khỏi cuộc chiến, giao lại gánh nặng chiến tranh cho người Việt miền Nam. Lúc ấy, Việt Cộng nói đó chỉ là “sự thay đổi màu da trên xác chết”, nhưng họ quên

rằng màu da đỏ cũng là màu da vàng Việt Nam như họ và xác người mà họ giết hại cũng là anh em, cùng giống giống con Lạc cháu Hồng với họ!

Thế rồi, Mỹ đã đơn phương tiến hành đàm phán với Cộng sản Bắc Việt, đi từ bí mật đến công khai mà không cần sự đồng ý của chính phủ Việt Nam Cộng Hoà. Đây là một tát yếu, vì một khi Mỹ đã thiết lập chế độ Việt Nam Cộng Hoà như một công cụ, Mỹ có toàn quyền hành động. Thực tế, khi muốn đưa quân trực tiếp tham chiến, Mỹ chỉ cần thông báo cho chính phủ Việt Nam Cộng Hoà và nay muốn rút chân ra khỏi cuộc chiến, chuẩn bị chấm dứt chiến tranh, để đi vào thế chiến lược mới, Mỹ cũng có quyền đặt chế độ công cụ của mình vào hoàn cảnh đã rồi. Nhưng điều này các nhà bình luận cho rằng Mỹ đã đối xử với công cụ của mình dờ hơn các đế quốc Đò Nga, Tàu, khi họ leo lái công cụ cộng sản Bắc Việt của họ trong cuộc chiến. Họ đã điều khiển công cụ theo đúng hình thái của chủ nghĩa thực dân mới. Bởi vì, họ đã thực hiện chủ nghĩa thực dân mới thông qua một chính quyền bản xứ, điều khiển chính quyền này bằng hệ tư tưởng Mác-Lê, với tập đoàn tay sai nắm quyền là Đảng Cộng sản Việt Nam, được đào tạo, giáo dục từ lò Moscow. Trên thực tế, Nga, Tàu chỉ cần dùng hệ thống “chuyên gia” nhẹ bên cạnh chính quyền và quân đội Bắc Việt, kén đảo và hiệu quả hơn nhiều. Người không quan tâm cộ thể làm tường Nga - Tàu chỉ cung cấp lương thực, vũ khí và các phương tiện giết người cho công cụ Cộng sản Bắc Việt, mà công cụ này vẫn được chủ động trong khi tiến hành chiến tranh, độc lập trong đường lối cai trị nhân dân miền Bắc. Trong khi Mỹ quá lộ liễu trong cung cách đối xử với công cụ của mình đến độ dù muốn dù

không cũng bị coi là áp dụng trở lại hình thái của chủ nghĩa thực dân cũ. Tuy nhiên, nếu ở đây Nga tỏ ra khôn ngoan hơn Mỹ, thì ở nơi khác họ cũng đã mắc sai lầm nghiêm trọng hơn, như kéo quân đàn áp cuộc nổi dậy của nhân dân Ba Lan (1956), nhân dân Tiệp Khắc (1968), và sau cùng là hành động kéo quân vào A-phu-hân năm 1979.

Trở lại cách đối xử của Mỹ đối với chính quyền công cụ miền Nam, đã đưa đến lợi thế cho công cụ Cộng sản Bắc Việt khi họ có cơ rêu rao đó là “chính quyền tay sai của đế quốc Mỹ”, và sự hiện diện của quân đội Mỹ giúp cho công cụ Cộng sản Bắc Việt có bằng chứng ngoại xâm để kích động nhân dân miền Bắc cũng như một số người ở miền Nam lao vào “cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới thống nhất đất nước trong hoà bình, độc lập, tự do, hạnh phúc!” Với ngọn cờ này, công cụ Cộng sản Bắc Việt đã huy động được sức người, sức của, nhân dân miền Bắc lao vào cuộc chiến, lại tranh thủ được hậu thuẫn quốc tế, không những trong khối các nước nghèo, mà cả dư luận thuận lợi nơi một số nước tư bản giàu có Tây phương. Đặc biệt là nhờ thế thuận lợi này mà công cụ Cộng sản Bắc Việt đã tấn công được vào cả hậu phương nước Mỹ, đẩy lên phong trào phản chiến, đòi chấm dứt chiến tranh, đưa đến việc Quốc hội Mỹ phải tìm cách buộc chính quyền Mỹ phải làm theo ý nguyện của nhân dân là phải chấm dứt chiến tranh bằng mọi giá. Trong khi đó, Mỹ đã đẩy chế độ Việt Nam Cộng Hoà vào thế bất lợi, hoàn toàn thụ động, bị tước mất chính nghĩa dân tộc, bị mang tiếng là chính quyền lệ thuộc, tay sai và bị cô lập trên trường quốc tế. Nội bộ chế độ Việt Nam Cộng Hoà thì

ngày càng suy yếu toàn diện, bị khủng hoảng lãnh đạo và niềm tin vào sự tất thắng của lý tưởng tự do, bị phân tán sức mạnh chiến đấu và mất chủ động trong cuộc chiến tranh bảo vệ tự do. Thực trạng này là hệ quả của chính chủ trương lãnh đạo và thực hiện chiến tranh của Mỹ thông qua một “chế độ cai thầu chống Cộng”.

Hậu quả tất nhiên phải đến là sự sụp đổ hoàn toàn của chính quyền, quân lực Việt Nam Cộng Hoà, sau khi Mỹ rút ra khỏi cuộc chiến trên cơ sở Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh lập lại hoà bình cho Việt Nam ngày 27-1-1973. Đó là bản hiệp định có được do nỗ lực dàn xếp quốc tế, chủ động là các cường quốc đế quốc Mỹ và Nga, Tàu. Đánh giá sau cuộc chiến, Mỹ đã không giành được chiến thắng, nhưng cũng không phải là kẻ thua cuộc, vì dường như các mục tiêu chiến lược của Mỹ đã đạt được nhờ cuộc chiến tranh này. Hiểm hoạ Trung Hoa Đỏ sau bức màn sắt nay đã không còn, bức màn sắt đã bị chọc thủng; mâu thuẫn Nga - Hoa đến lúc này đã ở vào thời điểm bão hoà, có thể để cho công cụ Cộng sản Bắc Việt tạm nắm quyền thống trị trên toàn cõi Việt Nam, xem ra có lợi và ít tổn kém hơn nhiều cho Mỹ và “thế giới tự do”, trong việc chuẩn bị đi vào thế chiến lược mới. Có lẽ chính vì vậy mà Mỹ đã không ngần ngại để cho công cụ Cộng sản Bắc Việt của Nga, Tàu thắng công cụ của mình ở miền Nam như một khổ nhục kế chăng? Nhiều người đã có lục nghĩ như thế, song thực tế đó chỉ là giải pháp chẳng đặng đừng mà Mỹ phải chọn lựa vào thời điểm có nhu cầu phải thay đổi chiến lược. Thực tâm Mỹ cũng muốn chế độ VNCH tiếp tục tồn tại để có được giải pháp như Nam - Bắc Hàn, nếu như chế độ này không quá suy yếu do tự thân chế độ và do những sai lầm của Mỹ trong việc

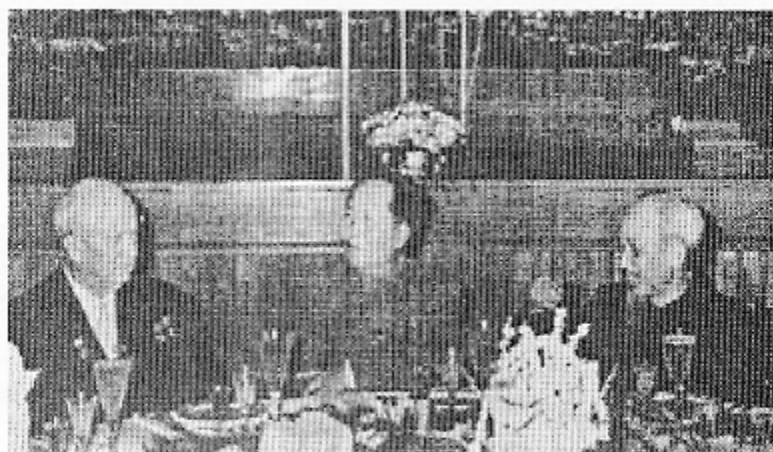
sử dụng công cụ, chỉ đạo và thực hiện chiến tranh.

Kết cuộc, phần thua thiệt thật sự thuộc về dân tộc Việt Nam, với bao mất mát tui nhục cay đắng cho những con người Việt Nam còn sống hôm nay, nhờ may mắn sống sót qua cuộc chiến; với nỗi uất hận không nói được của hàng triệu con người Việt Nam đã ngã xuống trên cả hai chiến tuyến Quốc-Cộng, mà vẫn nghĩ rằng mình đã hy sinh cho những lý tưởng cao đẹp: Độc lập dân tộc, Tự do dân chủ, Công bằng xã hội. . . Chúng ta, những người VN còn sống hôm nay trên quê hương rách nát nghèo nàn, dưới chế độ độc tài và những người lãnh đạo bất tài, cũng như những người VN đang sống tha phương nơi đất khách quê người, với bao tui nhục buồn căm của thân phận vong quốc. . ., tất cả chúng ta có suy nghĩ gì về cuộc chiến hôm qua, và dự kiến gì cho tương lai đất nước và dân tộc?



Công cụ bành trướng phe XHCN:

Ông Hồ Chí Minh trở lại Hà Nội sau Hiệp định Genève 1954, tái lập chế độ VNDCCH thành lập năm 1946.



Nikita Khrushchev, Mao Trạch Đông và ông Hồ tại Bắc Kinh, nhân kỷ niệm Quốc Khánh Trung Cộng (1959).



Ông Phạm Văn Đồng, trưởng phái đoàn VNDCCH tại Hội nghị Genève 1954, và toàn sĩ quan Pháp cuối cùng rời Hà Nội, giao miền Bắc VN cho CSBV cùng cố thành “hậu phương lớn” cho “tiền tuyến lớn” miền Nam...



Ông Hồ Chí Minh và Phạm Văn Đồng tại Hà Nội năm 1969, chỉ ít ngày sau đó ông Hồ nhắm mắt khi giấc mộng “giải phóng MNVN” chưa thành...



Dân công miền Bắc bị cưỡng bách tải đạn Nga, Tàu xuống phía Nam...



Đã chuẩn bị lao vào cuộc “chiến tranh giải phóng” sát hại anh em cùng màu da, sắc máu...

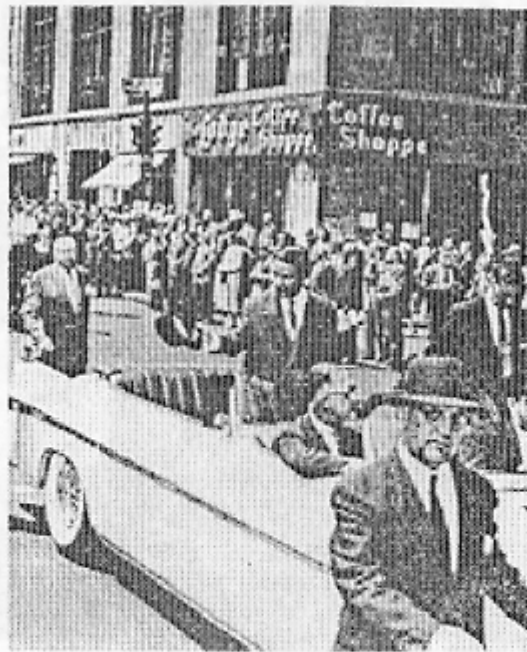


Với nét mặt mệt mỏi và ốm đôi của những người cán binh CS khi tiến vào “giải phóng Saigon” (30-4-75), trái ngược với nét tươi vui, phấn khởi, “hồ hởi” của các lãnh tụ CS Hà Nội sau đó vào tiếp thu, ăn mừng chiến thắng!

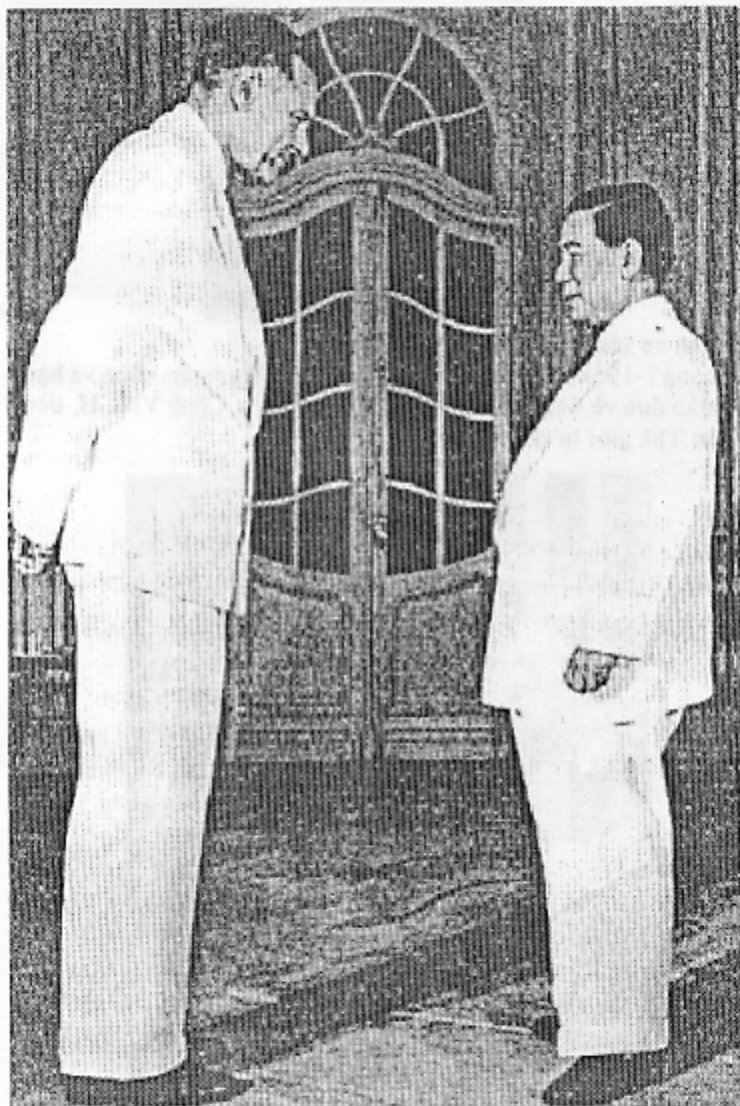


Công cụ gián chỉ của “Thế giới tự do”:

Tháng 7-1954, ông Ngô Đình Diệm được Mỹ tuyển chọn và hậu thuẫn đưa về Sài Gòn, thành lập chế độ chống Cộng VNCH, tiền đồn Thế giới tự do.



Năm 1957, TT VNCH Ngô Đình Diệm trở lại thăm Mỹ Quốc (New York) và được xưng tụng là lãnh tụ chống Cộng hàng đầu ở Đông Nam Á.



Năm 1963, H. Cabot Lodge được cử làm Đại sứ Hoa Kỳ tại VN với sứ mạng thay người lãnh đạo chống Cộng, vì ông Diệm không còn thích dụng...



Tướng Dương Văn Minh, người cầm đầu đảo chánh và sát hại hai anh em ông Diệm, Nhu (1963).

Với nét mặt buồn so, sau khi bị Tướng Nguyễn Khánh “chỉnh lý” (1964).





Tháng 3-1965, những người lính Thủy quân Lục chiến Mỹ đầu tiên đổ bộ lên bờ biển Đà Nẵng, trực tiếp tham chiến tại VN.